

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lại.
- Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 03-10-2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Trung H, sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Khu phố L, phường L1, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 05-10-2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thị Kiều Diễm trình bày:***

Chị P và anh Hà Trung H ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 320/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Nay, do hai bên không tự thỏa thuận được nên chị yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm 01 phần đất diện tích 715 m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp Long Phú, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh do chị và anh H đứng tên sử dụng. Đất có nguồn gốc do cha mẹ của chị tặng cho lại, anh H không có công sức đóng góp, tạo lập gì đối với tài sản này, chị đang là người quản lý sử dụng đất nên chị yêu cầu giải quyết cho chị được chia hiện vật, chị hoàn lại cho anh H 100.000.000 đồng.

Nợ chung: Chị P xác định không có.

**** Bị đơn - anh Hà Trung H - trình bày:***

Anh thống nhất lời trình bày của chị P về vấn đề giải quyết ly hôn giữa anh chị và nguồn gốc đất tranh chấp. Nếu chị P đồng ý giao cho anh giá trị chênh lệch là 250.000.000 đồng, anh đồng ý giao quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất cho chị P toàn quyền sở hữu. Ngược lại, anh yêu cầu chia đôi diện tích đất tranh chấp, anh nhận hiện vật hay giá trị đều được.

Anh H không đồng ý với giá trị quyền sử dụng đất đã định nhưng không cung cấp căn cứ chứng minh giá đã định không phù hợp.

Nợ chung: Anh H xác định không có.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. **Về nội dung:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét nguồn gốc tài sản chung, phân chia cho chị P nhiều hơn theo tỷ lệ 2:1. Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn” thì Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết. Hiện bị đơn là anh H đang cư trú tại khu phố Long Tân, phường Long Thành Bắc, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, chị P và anh H tự thỏa thuận yêu cầu Tòa án nơi nguyên đơn cư trú giải quyết. Căn cứ các Điều 28, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Anh H trình bày không đồng ý giá đất tranh chấp đã định tại Biên bản định giá ngày 23-02-2023 nhưng anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh kết quả định giá không chính xác hoặc không phù hợp giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự, không có cơ sở xem xét, giải quyết yêu cầu định giá lại tài sản của anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ sự thống nhất của chị P, anh H, xác định tài sản chung của anh chị là phần đất diện tích 715 m² (đo đạc thực tế là 751 m²) thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại ấp Long Phú, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[2.2] Chị P anh H đều xác định diện tích đất do cha mẹ ruột của chị P là ông Nguyễn Văn Mai và bà Phạm Thị Bé (đã chết) tặng cho. Lời khai của ông Mai tại bút lục số 41 thể hiện ông Mai xác định chỉ tặng cho con ruột là chị P, không tặng cho anh H, việc anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông không tranh chấp đối với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hai bên. Trong thời gian anh H chị P là vợ chồng, nhờ vào phần diện tích đất được cha mẹ chị P tặng cho mà có chỗ sinh sống, ngoài ra không còn tạo lập được diện tích đất nào khác. Xét nguồn gốc tài sản chung như trên, cần thiết phân chia cho chị P phần tài sản nhiều hơn theo tỷ lệ 6/4 là phù hợp. Hiện chị P là người đang quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 xây dựng giữa phần đất (các đương sự không tranh chấp), anh H có ý kiến nhận hiện vật hay giá trị đều được nên xem xét giao toàn bộ diện tích đất cho chị P được

quyền sử dụng và hoàn trả giá trị bằng tiền cho anh H là phù hợp hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của đương sự trong vụ án.

Cụ thể:

Giá đất đã định theo Biên bản định giá ngày 23-02-2023 là 40.000.000 đồng/mét ngang x 8,6 mét ngang = 344.000.000 đồng. Chị P hưởng 60% x 344.000.000 đồng = 206.400.000 đồng. Anh H hưởng 40% x 344.000.000 đồng = 137.600.000 đồng.

[2.3] Đối với tài sản trên đất: Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23-02-2023, tài sản trên đất gồm 03 cây dừa, 11 cây tầm vông, 01 chuồng chăn nuôi. Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng đối với căn nhà cấp 04 xây dựng trên đất, chị P cho rằng là tài sản riêng của chị, không yêu cầu phân chia, anh H xác định là tài sản chung của anh và chị P nhưng không khởi kiện và nộp tạm ứng án phí nên Tòa án không thụ lý giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp, anh H được quyền khởi kiện trong một vụ án khác theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản:

Chi phí xem xét, thẩm định, định giá là 3.463.000 đồng. Chị P, anh H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2.6] Về án phí: Chị P, anh H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 39, 104, 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 33, 34, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P đối với anh Hà Trung H về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

1. Xác định diện tích đất 715 m² (đo đạc thực tế là 751 m²) thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 41 (theo Bản đồ 2000) tọa lạc tại ấp Long Phú, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của chị Nguyễn Thị Kim P và anh Hà Trung H.

2. Phân chia tài sản chung như sau:

- Chị Nguyễn Thị Kim P được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 715 m² (đo đạc thực tế là 751 m²) thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 41 (theo Bản đồ 2000), đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000372/004078.TA.VP ngày 14 tháng 10 năm 2010 cho chị Nguyễn Thị Kim P và anh Hà Trung H đứng tên sử dụng. Đất tọa lạc tại ấp Long Phú, xã Long Vĩnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, tổng giá trị là 344.000.000 (ba trăm bốn mươi bốn triệu) đồng.

Đất có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa 03, tờ bản đồ 33 (theo Bản đồ lưới 2010).
- Phía Tây giáp đường đất.
- Phía Nam giáp thửa 17, tờ bản đồ 32 (theo Bản đồ lưới 2010).
- Phía Bắc giáp thửa 17, tờ bản đồ 32 (theo Bản đồ lưới 2010).

(Vị trí thửa đất và độ dài tứ cận có sơ đồ đo vẽ kèm theo).

- Chị Nguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hà Trung H số tiền 137.600.000 (một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng. Giá trị phần tài sản chị Nguyễn Thị Kim P được hưởng là 206.400.000 (hai trăm lẻ sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Ghi nhận: Chị P, anh H không tranh chấp đối với các tài sản khác gắn liền với đất. Riêng căn nhà cấp 04 xây dựng trên đất (tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23-02-2023), anh H được quyền khởi kiện phân chia trong một vụ án khác nếu có yêu cầu theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Kim P có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất phù hợp với quyết định của bản án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá: tổng cộng là 3.463.000 (ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn) đồng. Trong đó, chị Nguyễn Thị Kim P chịu 2.077.800 (hai triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm) đồng; anh Hà Trung H chịu 1.385.200 (một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm) đồng. Chị Nguyễn Thị Kim P đã nộp 3.463.000 (ba triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn) đồng nên anh Hà Trung H có nghĩa vụ nộp lại 1.385.200 (một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm) đồng để hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim P.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim P chịu 10.320.000 (mười triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0017764 ngày 07-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Kim P còn phải nộp 7.820.000 (bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

Anh Hà Trung H chịu 6.880.000 (sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Quyên

